

Bản án số: 27/2021/HS-ST

Ngày: 22-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Văn Bình.

Bà Lê Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Êm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2021/TLST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T (còn có tên là: OB), sinh ngày 26 tháng 9 năm 1999, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp T, xã K B, huyện N, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Chài lưới; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh X và bà Phan Thị Y; chưa có vợ con; tiền án: chưa có; tiền sự: 01 lần, Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 05/QĐ-TA ngày 18 tháng 4 năm 2019, chấp hành xong ngày 29 tháng 4 năm 2020; bị bắt tạm giam ngày 05 tháng 02 năm 2021; có mặt.

- Bị hại: Bùi Thị Kim T1, năm sinh 1999; nơi cư trú: Ấp T B, xã K A, huyện N, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Thanh T2, năm sinh 1970, nơi cư trú: Ấp T, xã K B, huyện N, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

2. Trương Trường G, năm sinh 1986, nơi cư trú: Ấp P, xã K A, huyện N, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

3. Trương Hoàng A, năm sinh 1993, nơi cư trú: Ấp Long Hữu, xã K A, huyện N, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

Người làm chứng: Võ Thị Bích T2, Đào Thị Minh H, Nguyễn Thị Thu T3 (mẹ của H, giám hộ cho con), Nguyễn Thị S, Trương Văn M, Nguyễn Thị V; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 08 tháng 01 năm 2021, Bùi Thị Kim T1 đang nằm võng trước nhà thuộc ấp T B, xã K A, huyện N, trên tay đang cầm điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7, màu vàng đồng để sử dụng, thì có thanh niên lạ mặt đi vào giật điện thoại chạy ra đường rồi lên xe cùng đồng bọn tẩu thoát. Sau đó, chị T1 đến Công an xã K A trình báo vụ việc. Xét thấy, có dấu hiệu của tội phạm nên Công an xã K A chuyển toàn bộ hồ sơ đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hồng Ngự để điều tra theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T thừa nhận cùng với Hà Văn Nu cướp giật tài sản. T là người trực tiếp vào cướp giật điện thoại mà bị hại T1 đang cầm trên tay, còn Nu ngồi trên xe trước đường chuẩn bị lái xe và cảnh giới. Khi T cướp giật được tài sản chạy ra lên xe thì Nu điều khiển xe mô tô chở T tẩu thoát. Sau đó, cả hai bán điện thoại vừa cướp được cho Trương Trường G với giá 500.000đ và cùng nhau tiêu xài cá nhân hết 420.000đ, còn 80.000đ.

Đối với Hà Văn Nu hiện nay không có mặt tại địa phương, chưa bắt được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hồng Ngự ra Quyết định tách vụ án hình sự, tạm đình chỉ điều tra và Quyết định truy nã bị can, khi nào bắt được xử lý sau.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy J7, màu vàng đồng đã qua sử dụng, màn hình cảm ứng bị nứt và đốm đen ở phía trên bên trái màn hình và 01 (một) cái ốp lưng bằng nhựa, màu xanh, đã qua sử dụng. Ngày 08 tháng 02 năm 2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hồng Ngự ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho bị hại Bùi Thị Kim T1.

- 01 xe mô tô biển số 66G1-539.73, nhãn hiệu Honda, số loại Future FI, màu trắng-bạc-đen, đã qua sử dụng là tài sản của Nguyễn Thanh T2 (cha của bị cáo T) đứng tên chủ sở hữu, nhưng ông T2 không biết việc T sử dụng vào việc phạm tội. Ngày 08 tháng 02 năm 2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hồng Ngự ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho Nguyễn Thanh T2.

- Tiền Việt Nam 80.000đ, là số tiền còn lại mà T và Nu bán điện thoại di động cho Trương Trường G đã tiêu xài cá nhân và trả nợ. Anh G không biết điện thoại di động mà T và Nu bán là do phạm tội mà có. Ngày 22 tháng 03 năm 2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hồng Ngự ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho Trương Trường G.

Tại Kết luận định giá tài sản số 01/KLHĐĐGTS-TTHS, ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N, kết luận: Điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy J7, màu vàng đồng đã qua sử dụng, màn hình cảm ứng bị nứt và đốm đen ở phía trên bên trái màn hình, trị giá 300.000đ; ốp lưng bằng nhựa, màu xanh, đã qua sử dụng, trị giá 20.000đ.

Tại Cáo trạng truy tố số 21/CT-VKSHN ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 171, khoản 1 Điều 17, điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về “Tội cướp giật tài sản”. Về dân sự và vật chứng: đã xử lý xong, nên không đề cập.

Bị cáo T thống nhất đề nghị của Kiểm sát viên, không bào chữa và tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm về làm công dân lương thiện, sống có ích cho xã hội, báo H cho cha mẹ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, ông Nguyễn Thanh T2 là cha của bị cáo T xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc KH nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, chứng minh được:

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có hành vi cùng đồng phạm là Hà Văn Nu cố ý trực tiếp cướp giật tài sản là điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 và ốp lưng của bị hại Bùi Thị Kim T1, trị giá

320.000đ. Do đó, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T phạm “Tội cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 BLHS.

[4] Điều 171 BLHS, quy định:

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm...”

[5] Điều 17 BLHS, quy định:

“1. Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm...”

[6] Như vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[7] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân hoang mang lo lắng; là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự bất chấp, xem thường pháp luật. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng, cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[8] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, có 01 tiền sự.

[9] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[10] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Do vậy, áp dụng các tình tiết vừa nêu để giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa. Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên chấp nhận.

[11] Đối với Hà Văn Nu là đồng phạm với T khi nào bắt được xử lý sau.

[12] Đối với việc T và Nu nhờ Trương Hoàng A mở khóa điện thoại nhưng không được. Hoàng A không biết tài sản do cướp giật mà có nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

[13] Đối với Trương Trường G mua điện thoại mà không biết là tài sản do cướp giật mà có nên không phải chịu trách nhiệm hình sự. Anh G đã giao nộp điện thoại di động cho Cơ quan cảnh sát điều tra và đã nhận lại đủ số tiền mua điện thoại là 500.000đ từ Cơ quan cảnh sát điều tra và gia đình của bị cáo T. Ngày 31 tháng 3 năm 2021, anh G có đơn không yêu cầu bồi thường dân sự.

[14] T và Nu khai, dùng số tiền 300.000đ từ việc bán điện thoại, trả cho Nguyễn Văn Dư do nợ tiền mua ma túy. Hiện Dư không có mặt tại địa phương,

nên Cơ quan cảnh sát điều tra chưa làm việc được, khi nào làm việc được xử lý sau nên không đề cập trong vụ án này.

[15] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 09 tháng 02 năm 2021, bị hại Bùi Thị Kim T1 có đơn không yêu cầu bồi thường dân sự nên không xem xét.

[16] Về vật chứng: Đã xử lý xong là phù hợp nên chấp nhận.

[17] Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 171, Điều 17, các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

1.1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm “Tội cướp giật tài sản”.

1.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05 tháng 02 năm 2021.

2. Về án phí, Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22 tháng 6 năm 2021). Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú